TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VŨNG TÀU** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 119/2022/HNGĐ-ST
Ngày 25-8-2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Văn Trường

Ông Đặng Ngọc Thương

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Lan Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa:*** Không tham gia.

Ngày 25 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 787/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2022 về việc "Ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74A/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị Ngọc H, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Tổ M, Thôn S, xã L, thành phố T, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu (vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt).

- *Bị đơn*: Ông Dương Hoàng V, sinh năm 1979

Hộ khẩu thường trú: Tổ M, Thôn S, xã L, thành phố T, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.

Địa chỉ hiện nay: Số 24 đường L, phường H, quận K, thành phố C (vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tố tụng tại tòa nguyên đơn bà Bùi Thị Ngọc H trình bày:

Bà và ông Dương Hoàng V tự nguyện tìm hiểu một thời gian ngắn thì tổ chức đám cưới và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp vào năm 2009. Sau khi sống chung vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông V cờ bạc dẫn đến vỡ nợ và bỏ nhà đi. Đến năm 2017 bà và ông V hàn gắn tình cảm với nhau. Nhưng đến khoảng năm 2018-2019, ông V lại cờ bạc dẫn đến nần nần và tiếp tục bỏ nhà đi. Cuối năm 2020, bà và ông V

sống ly thân với nhau, bà cùng các con về xã L, thành phố T sống cùng với bố mẹ. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay, bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Dương Hoàng V.

Về con chung: Bà và ông V có 02 con chung tên Dương Hoàng Bảo N, sinh ngày 17-7-2010 và Dương Hoàng Bảo T, sinh ngày 15-11-2012. Bà có nguyện vọng nuôi 02 con chung và không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng tại tòa bị đơn ông Dương Hoàng V trình bày:

Ông và bà Bùi Thị Ngọc H chung sống với nhau và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp vào năm 2009. Từ năm 2010, ông và bà H sinh sống tại thành phố T. Khoảng 02 năm gần đây vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột, mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống và vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ đó đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay, ông xét thấy mục đích hôn nhân không đạt, bà H yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông và bà H có 02 con chung tên Dương Hoàng Bảo N, sinh ngày 17-7-2010 và Dương Hoàng Bảo T, sinh ngày 15-11-2012. Ông đồng ý để bà H trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Bà Bùi Thị Ngọc H yêu cầu ly hôn với ông Dương Hoàng V có địa chỉ cư trú tại thành phố Vũng Tàu. Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là vụ án "Ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Bùi Thị Ngọc H, bị đơn ông Dương Hoàng V vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Bà Bùi Thị Ngọc H và ông Dương Hoàng V tự nguyện tìm hiểu, chung sống có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp.

[2.2]. Xét về tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông V thì thấy: Theo bà H nguyên nhân mâu thuẫn là do ông V cờ bạc dẫn đến vỡ nợ và bỏ nhà đi. Đến năm 2017 bà và ông V hàn gắn tình cảm với nhau. Nhưng đến khoảng năm 2018-2019, ông V lại cờ bạc dẫn đến nợ nần và tiếp tục bỏ nhà đi. Cuối năm 2020 bà và ông V sống ly thân với nhau. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau.

Theo ông V trình bày khoảng 02 năm gần đây vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột, mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống và vợ chồng đã sống ly thân với nhau

từ đó đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau.

[2.3]. Xét thấy, mâu thuẫn xảy ra trong quan hệ vợ chồng giữa bà H và ông V là có thật, vợ chồng cũng nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, không có khả năng hàn gắn tình cảm. Do vậy, mâu thuẫn hôn nhân là trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

[2.4]. Về con chung: Bà H và ông V có 02 con chung tên Dương Hoàng Bảo N, sinh ngày 17-7-2010 và Dương Hoàng Bảo T, sinh ngày 15-11-2012. Bà H có nguyện vọng nuôi 02 con chung vả lại ông V cũng đồng ý để bà H trực tiếp nuôi dưỡng 02 con nên xem xét giao cháu N và cháu T cho bà H nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

[2.5]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí Dân sự sơ thẩm: Bà Bùi Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Ngọc H đối với ông Dương Hoàng V.

1. Về hôn nhân: Bà Bùi Thị Ngọc H ly hôn với ông Dương Hoàng V.

2. Về con chung: Bà H và ông V có 02 con chung tên Dương Hoàng Bảo N, sinh ngày 17-7-2010 và Dương Hoàng Bảo T, sinh ngày 15-11-2012. Bà Bùi Thị Ngọc H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Dương Hoàng Bảo N và Dương Hoàng Bảo T. Bà H không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Ông Dương Hoàng V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí Dân sự sơ thẩm: Bà Bùi Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002973 ngày 02-8-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND Tp. Vũng Tàu;
- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Chi cục THADS Tp. Vũng Tàu;
- UBND xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Hương